CỤC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN **TRUNG TÂM DỰ BÁO** **KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN QUỐC GIA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: TVHV-01/DBQG	*Hà Nội, ngày 01 tháng 01 năm 2026*

BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN VỪA
(Từ ngày 01 đến 10/01/2026)

1. Lưu vực sông Hồng

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

- Sông Thao: Trong 11 ngày qua, trên sông Thao mực nước biến đổi chậm.
- Sông Lô: Trong 11 ngày qua, Mực nước trên sông Lô dao động và chịu ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên.
- Sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện Sơn La.
- Sông Hồng: Mực nước hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên cũng như chịu ảnh hưởng của thủy triều .

b. Dự báo, cảnh báo

- Sông Thao: Trong 10 ngày tới, trên sông Thao mực nước tiếp tục biến đổi chậm.
- Sông Lô: Mực nước trên sông Lô sẽ tiếp tục dao động và chịu ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên.
- Sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện Sơn La.
- Sông Hồng: Mực nước hạ lưu sông Hồng tại Hà Nội tiếp tục biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng của thủy điện tuyến trên cũng như chịu ảnh hưởng của thủy triều.

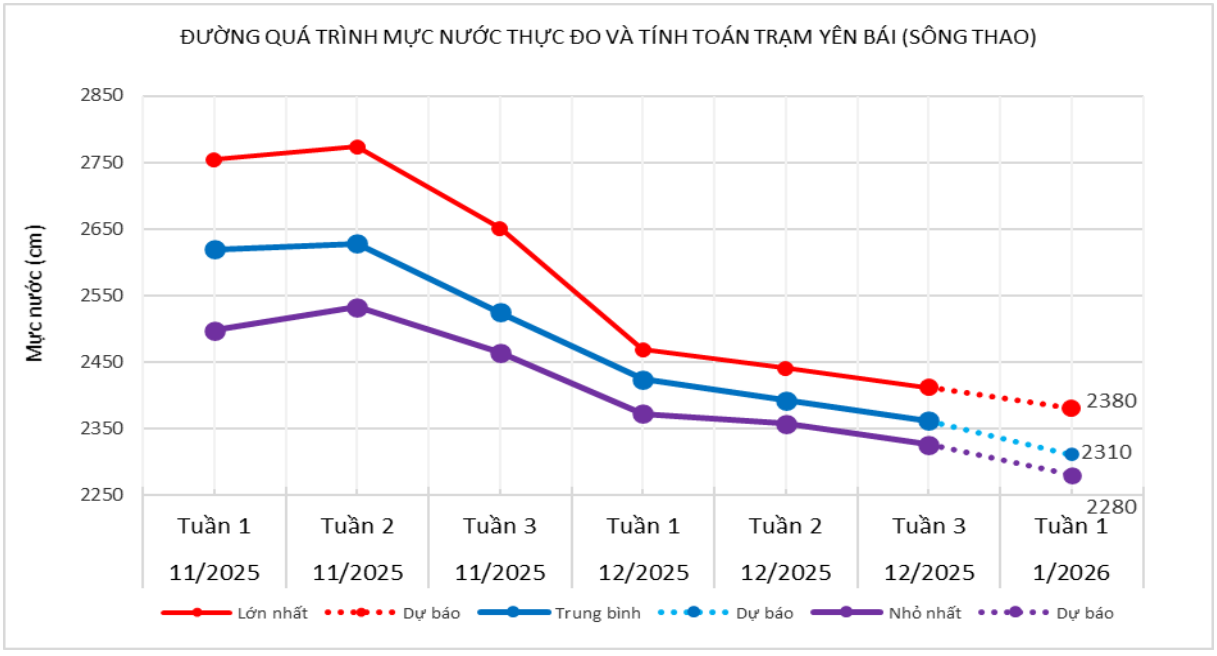
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM YÊN BÁI (SÔNG THAO)
Mực nước (cm)
2850
2750
2650
2550
2450
2350
2250
2380
2310
2280
Tuần 1 11/2025
Tuần 2 11/2025
Tuần 3 11/2025
Tuần 1 12/2025
Tuần 2 12/2025
Tuần 3 12/2025
Tuần 1 1/2026
Lớn nhất
Dự báo
Trung bình
Dự báo
Nhỏ nhất
Dự báo

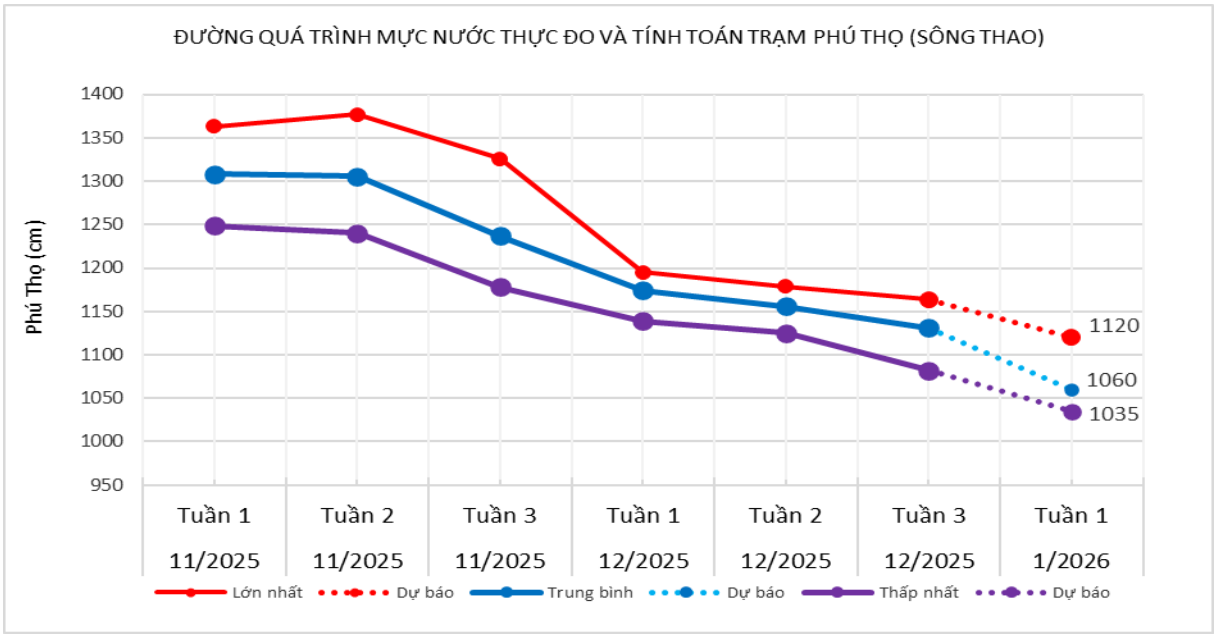
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM PHÚ THỌ (SÔNG THAO)
Phú Thọ (cm)
1400
1350
1300
1250
1200
1150
1100
1050
1000
950
1120
1060
1035
Tuần 1 11/2025
Tuần 2 11/2025
Tuần 3 11/2025
Tuần 1 12/2025
Tuần 2 12/2025
Tuần 3 12/2025
Tuần 1 1/2026
Lớn nhất
Dự báo
Trung bình
Dự báo
Thấp nhất
Dự báo

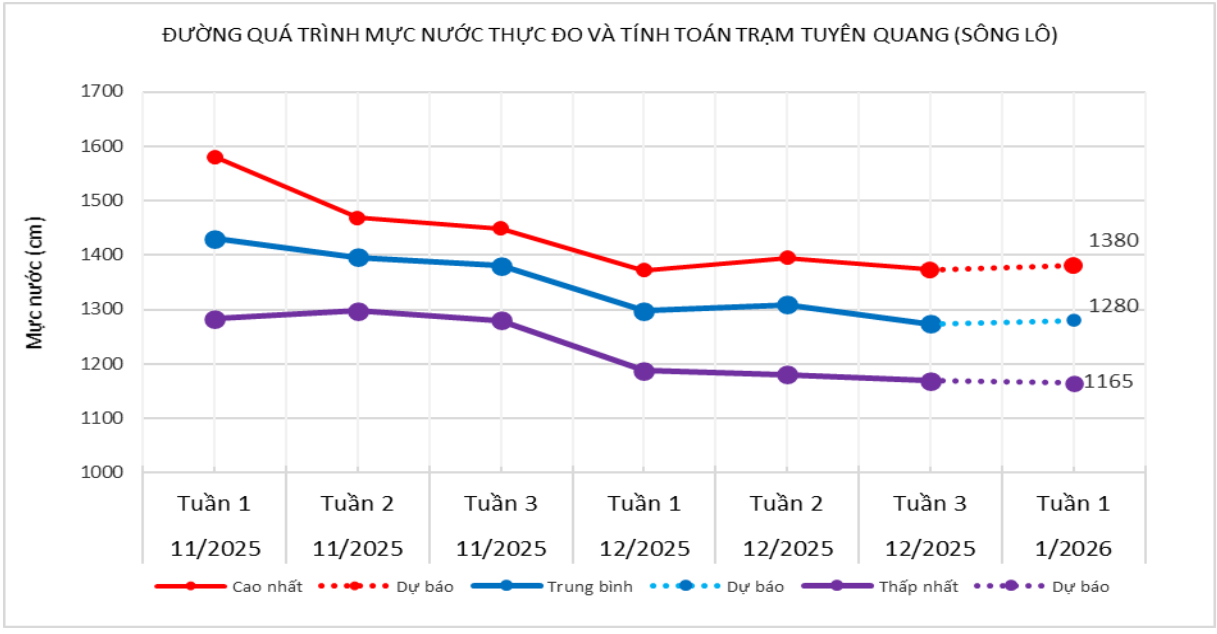
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM TUYÊN QUANG (SÔNG LÔ)
Mực nước (cm)
1700
1600
1500
1400
1300
1200
1100
1000
1380
1280
1165
Tuần 1 11/2025
Tuần 2 11/2025
Tuần 3 11/2025
Tuần 1 12/2025
Tuần 2 12/2025
Tuần 3 12/2025
Tuần 1 1/2026
Cao nhất
Dự báo
Trung bình
Dự báo
Thấp nhất
Dự báo

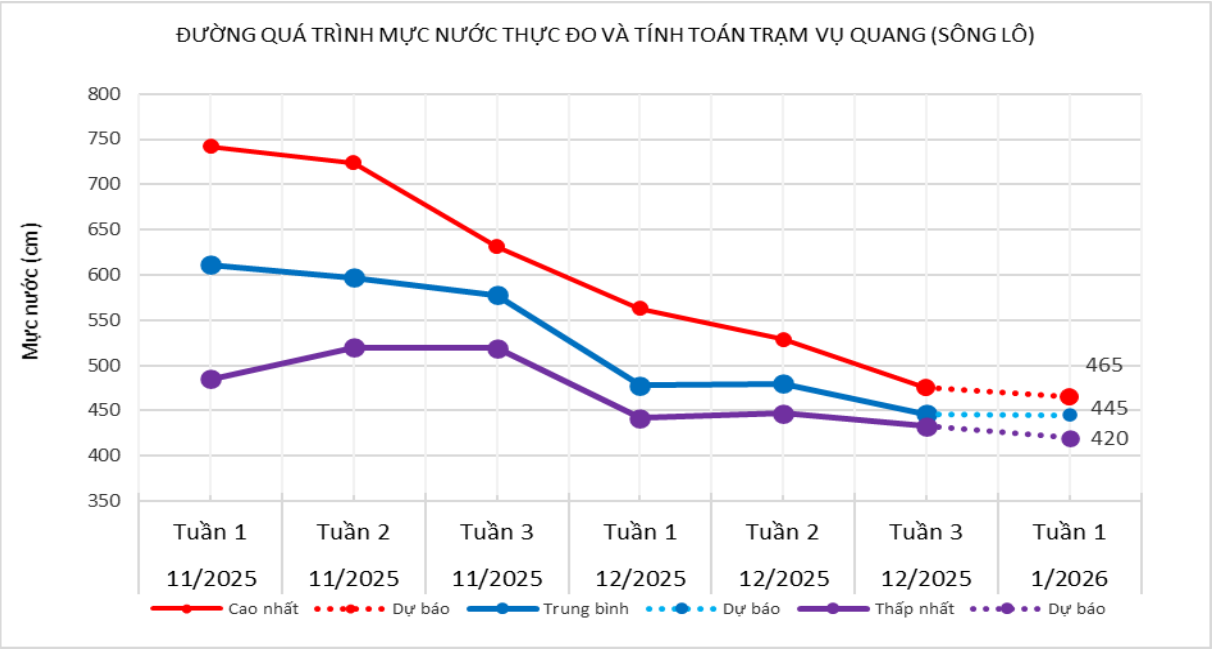
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM VỤ QUANG (SÔNG LÔ)
Mực nước (cm)
800
750
700
650
600
550
500
450
400
350
465
445
420
Tuần 1 11/2025
Tuần 2 11/2025
Tuần 3 11/2025
Tuần 1 12/2025
Tuần 2 12/2025
Tuần 3 12/2025
Tuần 1 1/2026
Cao nhất
Dự báo
Trung bình
Dự báo
Thấp nhất
Dự báo

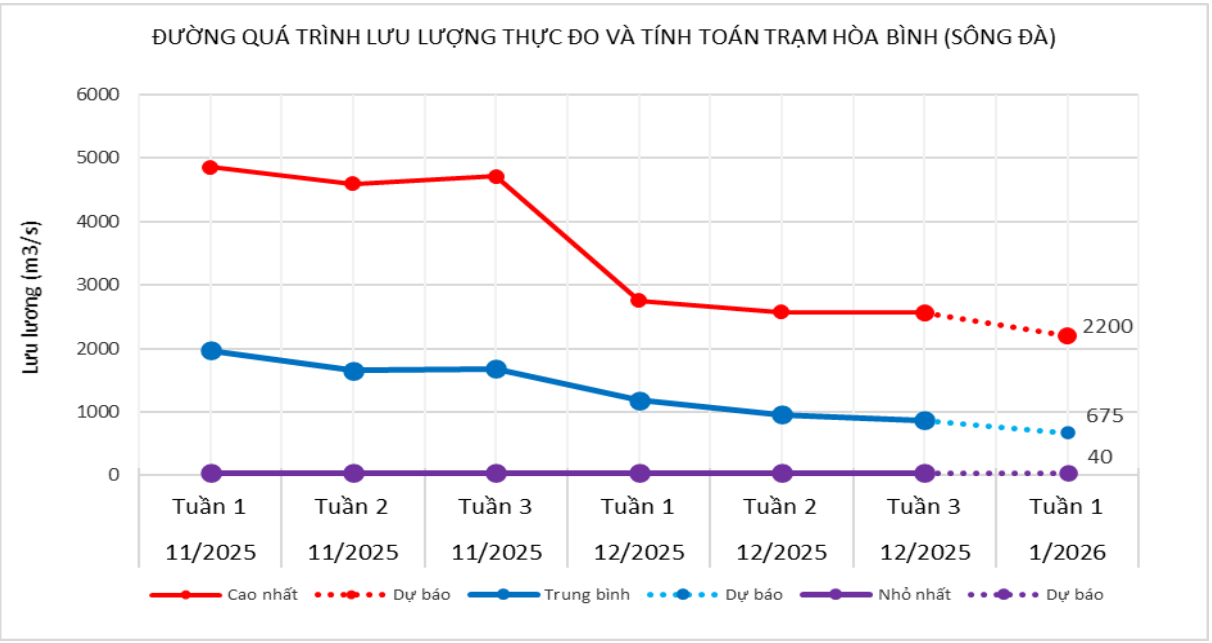
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH LƯU LƯỢNG THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM HÒA BÌNH (SÔNG ĐÀ)
Lưu lượng (m3/s)
6000
5000
4000
3000
2000
1000
0
2200
675
40
Tuần 1 11/2025
Tuần 2 11/2025
Tuần 3 11/2025
Tuần 1 12/2025
Tuần 2 12/2025
Tuần 3 12/2025
Tuần 1 1/2026
Cao nhất
Dự báo
Trung bình
Dự báo
Nhỏ nhất
Dự báo

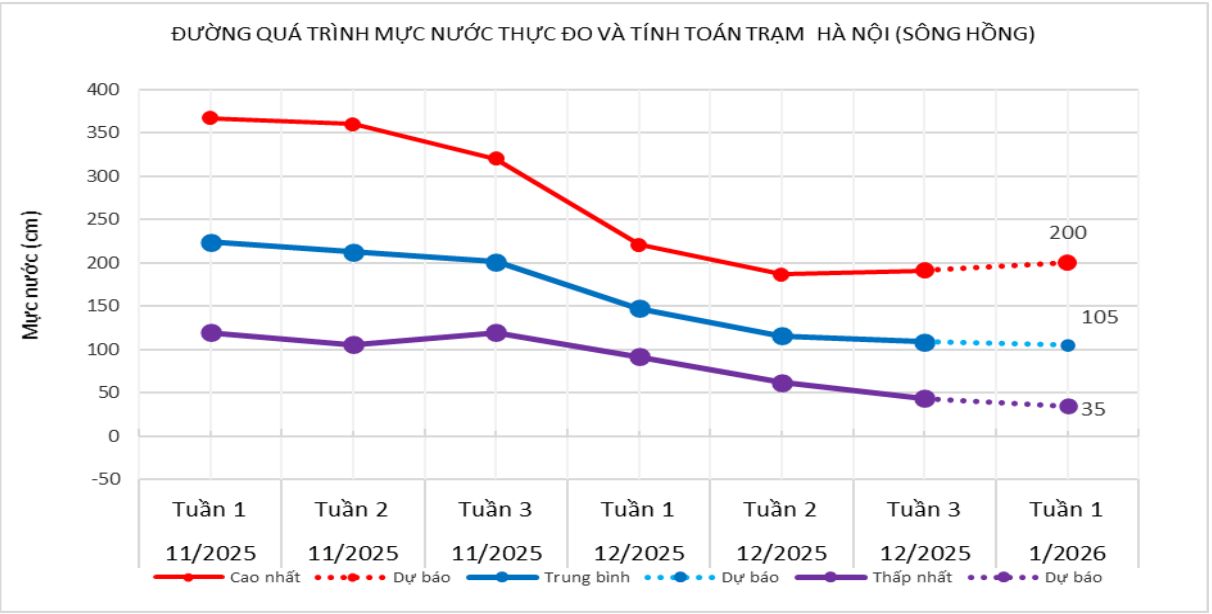
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM HÀ NỘI (SÔNG HỒNG)
Mực nước (cm)
400
350
300
250
200
150
100
50
0
-50
200
105
35
Tuần 1 11/2025
Tuần 2 11/2025
Tuần 3 11/2025
Tuần 1 12/2025
Tuần 2 12/2025
Tuần 3 12/2025
Tuần 1 1/2026
Cao nhất
Dự báo
Trung bình
Dự báo
Thấp nhất
Dự báo

2. Lưu vực sông Thái Bình

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Trong 11 ngày qua, trên thượng lưu và trung lưu sông Cầu, sông Thương và sông Lục Nam, mực nước biến đổi chậm; ở hạ lưu các sông chịu ảnh hưởng của thủy triều. Mực nước sông Thái Bình tại Phả Lại dao động theo thủy triều.

b. Dự báo, cảnh báo

Trong 11 ngày tới, mực nước ở thượng lưu và trung lưu các sông thuộc hệ thống sông Thái Bình tiếp tục biến đổi chậm, hạ lưu chịu ảnh hưởng của thủy triều. Mực nước sông Thái Bình tại Phả Lại tiếp tục dao động chịu ảnh hưởng của thủy triều.

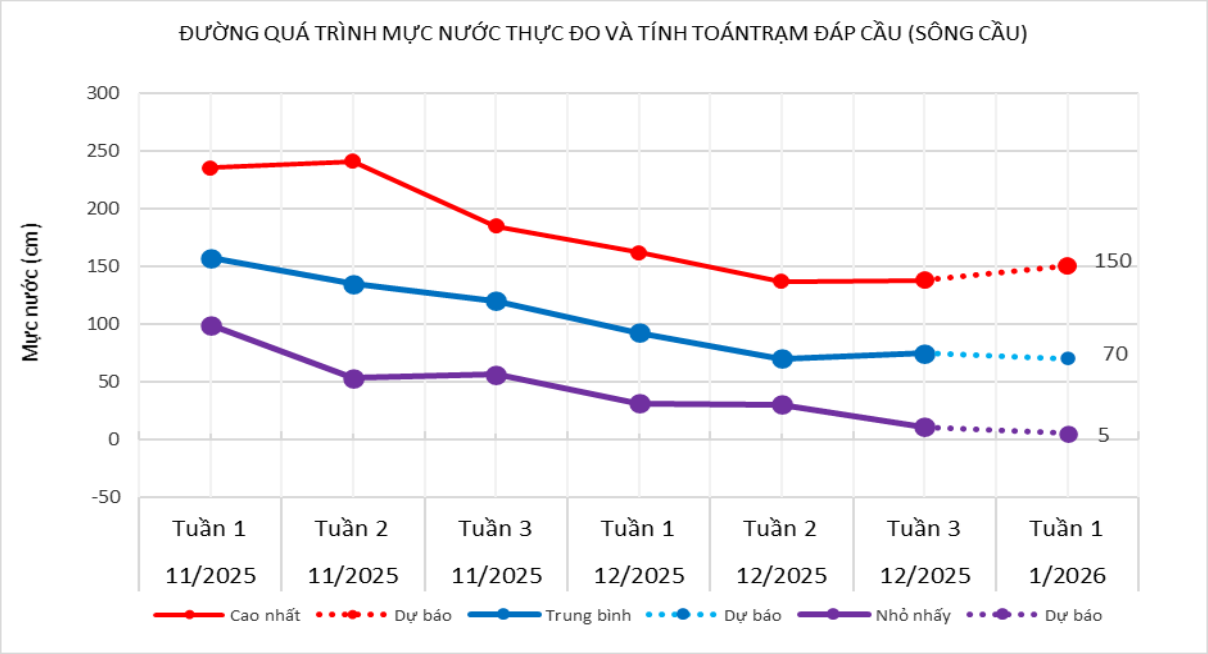

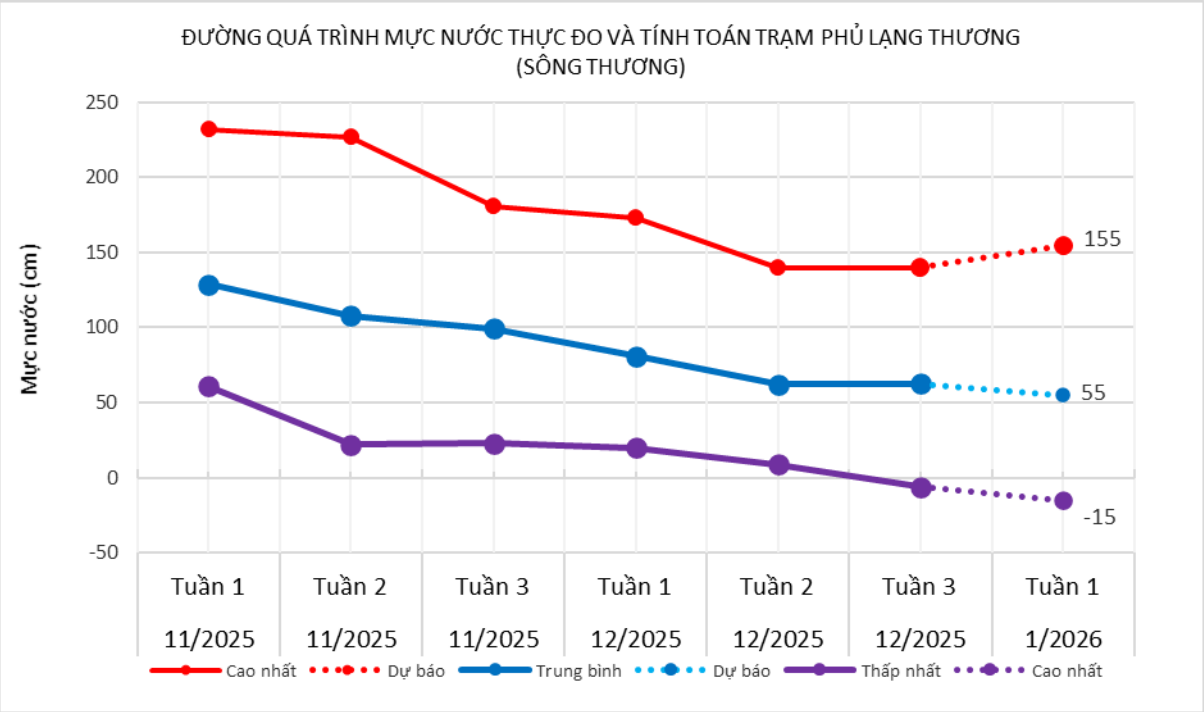

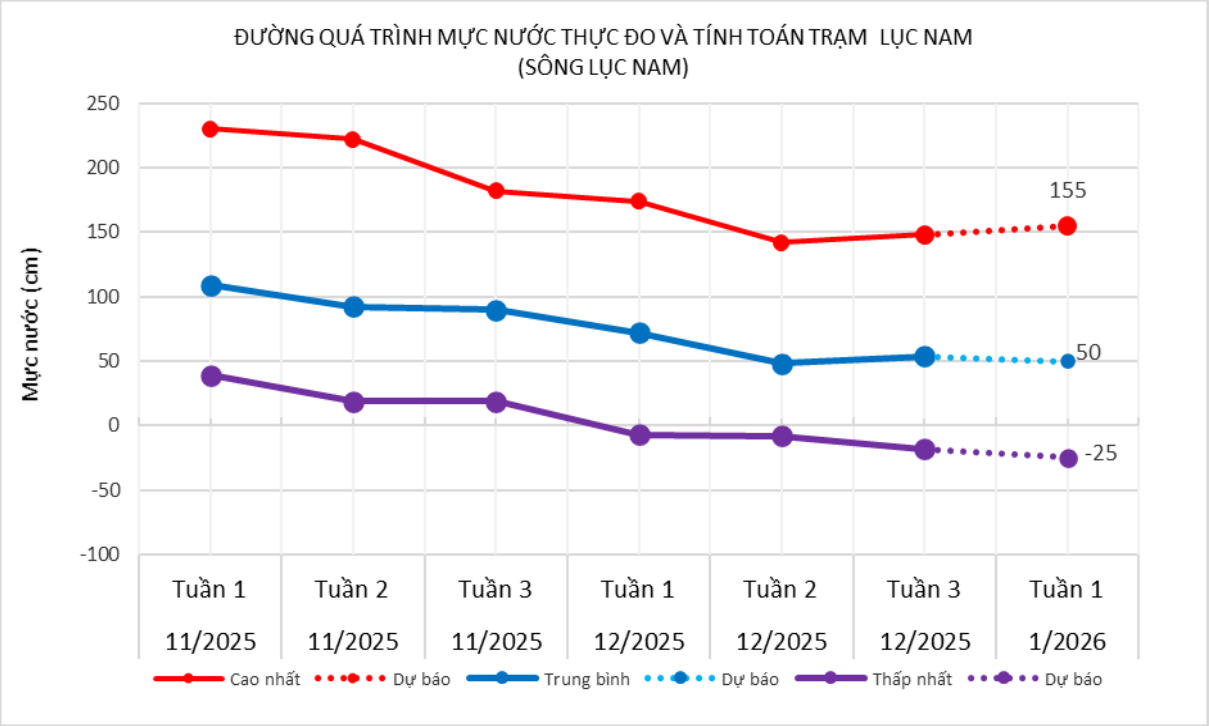

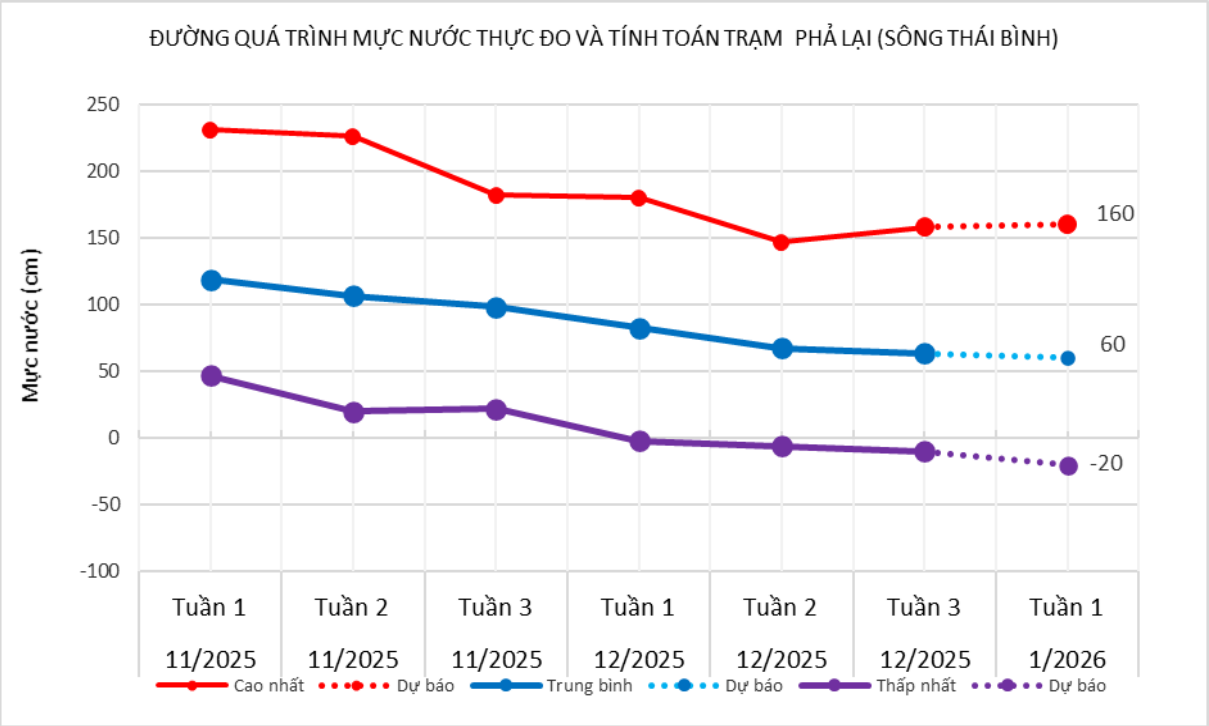

3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

- Các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong tuần, mực nước thượng lưu các sông biến đổi chậm, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu biến đổi theo triều.

- Các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Từ ngày 22-24/12, mực nước trên sông Bồ (TP. Huế) có dao động, các sông khác biến đổi chậm.

b. Dự báo, cảnh báo

- Các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong 10 ngày tới, thượng lưu các sông biến đổi chậm; trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu biến đổi theo triều.
- Các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Mực nước trên các sông biến đổi chậm.

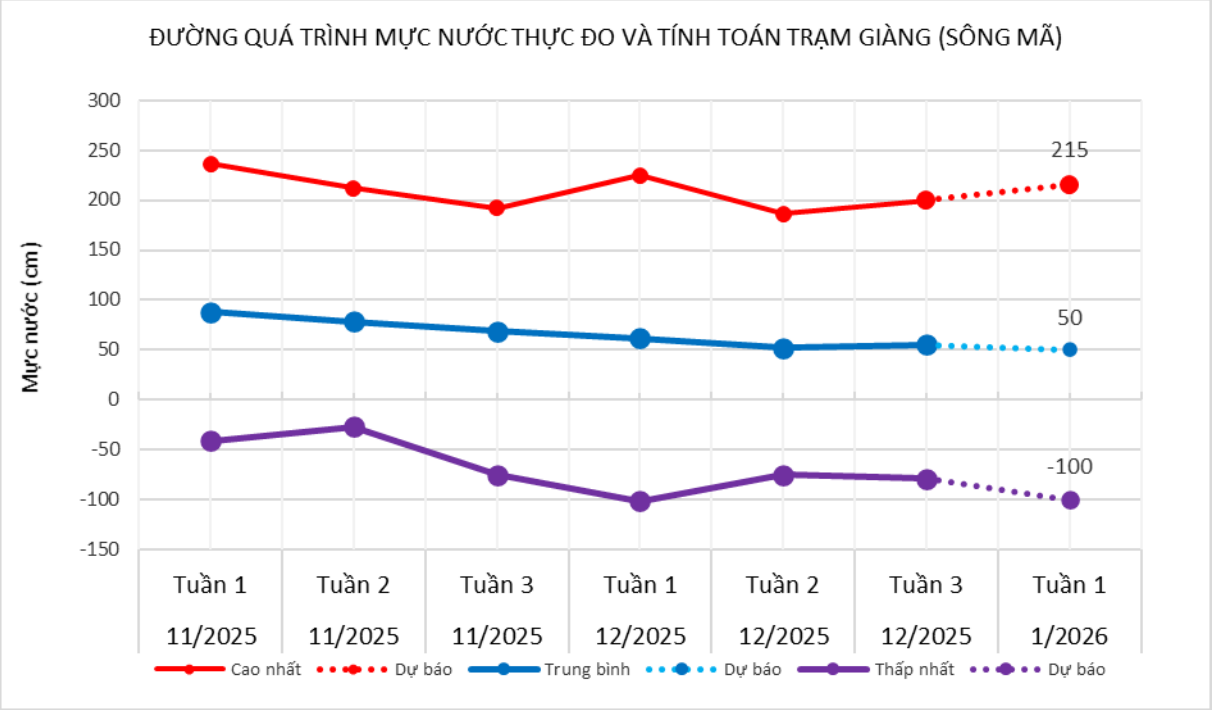

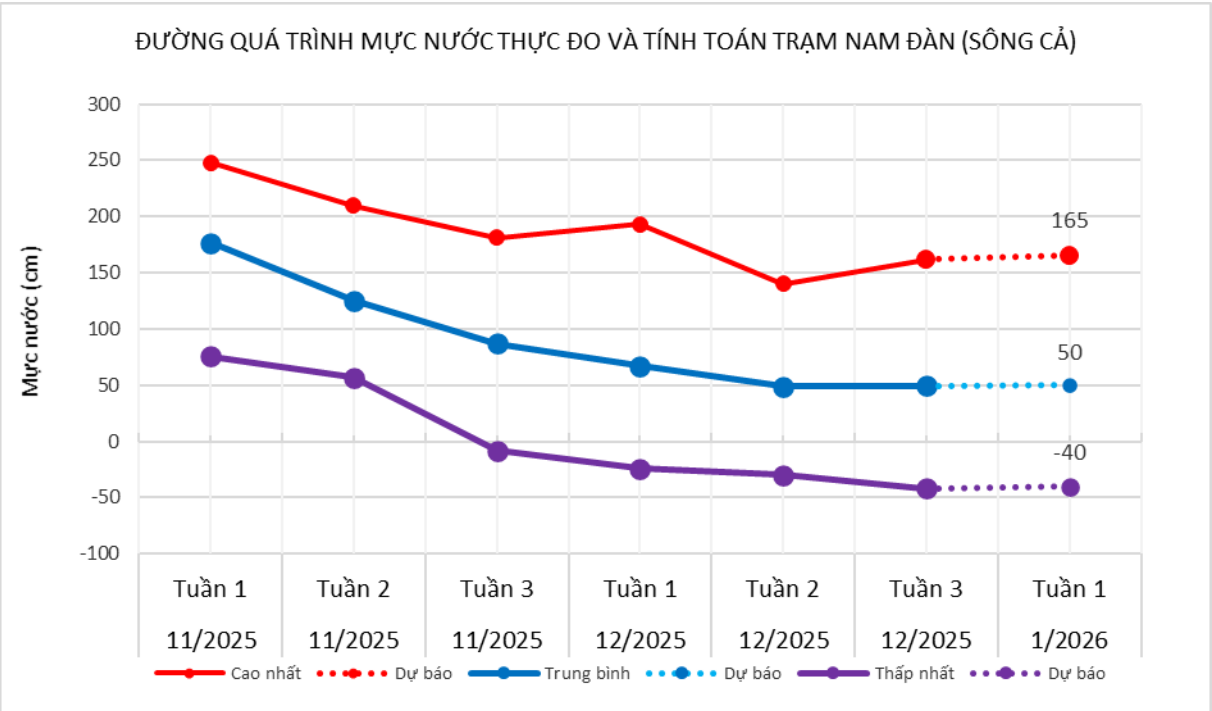

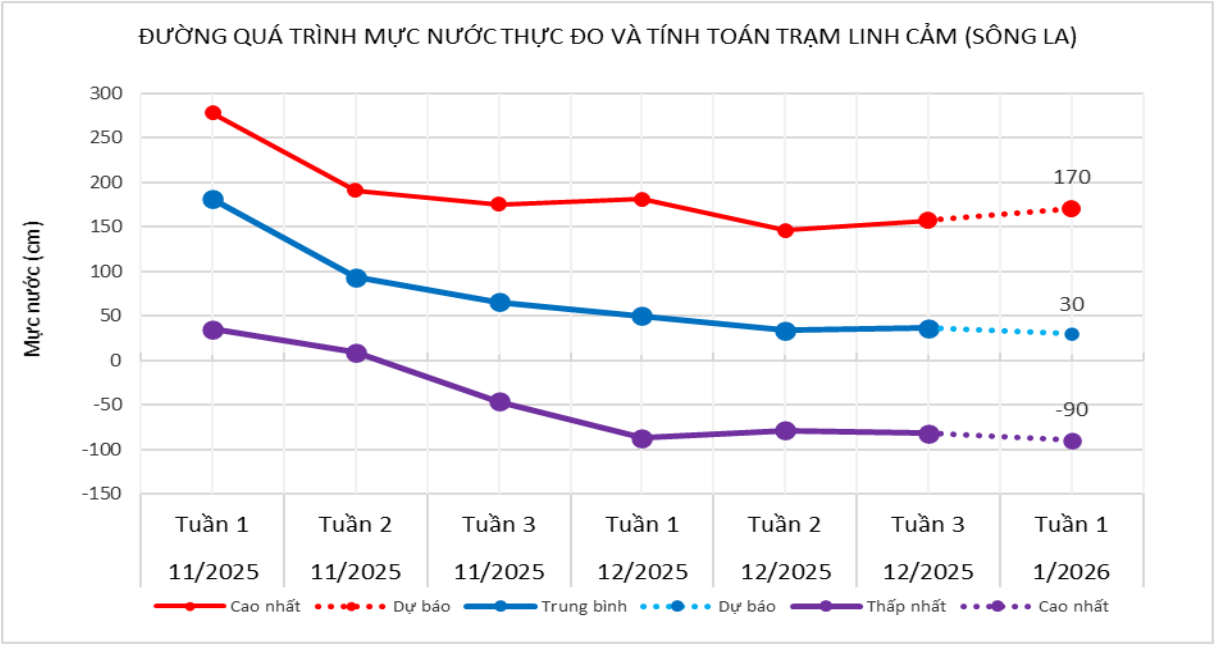
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM LINH CẢM (SÔNG LA)
Mực nước (cm)
300
250
200
150
100
50
0
-50
-100
-150
170
30
-90
Tuần 1 11/2025
Tuần 2 11/2025
Tuần 3 11/2025
Tuần 1 12/2025
Tuần 2 12/2025
Tuần 3 12/2025
Tuần 1 1/2026
Cao nhất
Dự báo
Trung bình
Dự báo
Thấp nhất
Cao nhất

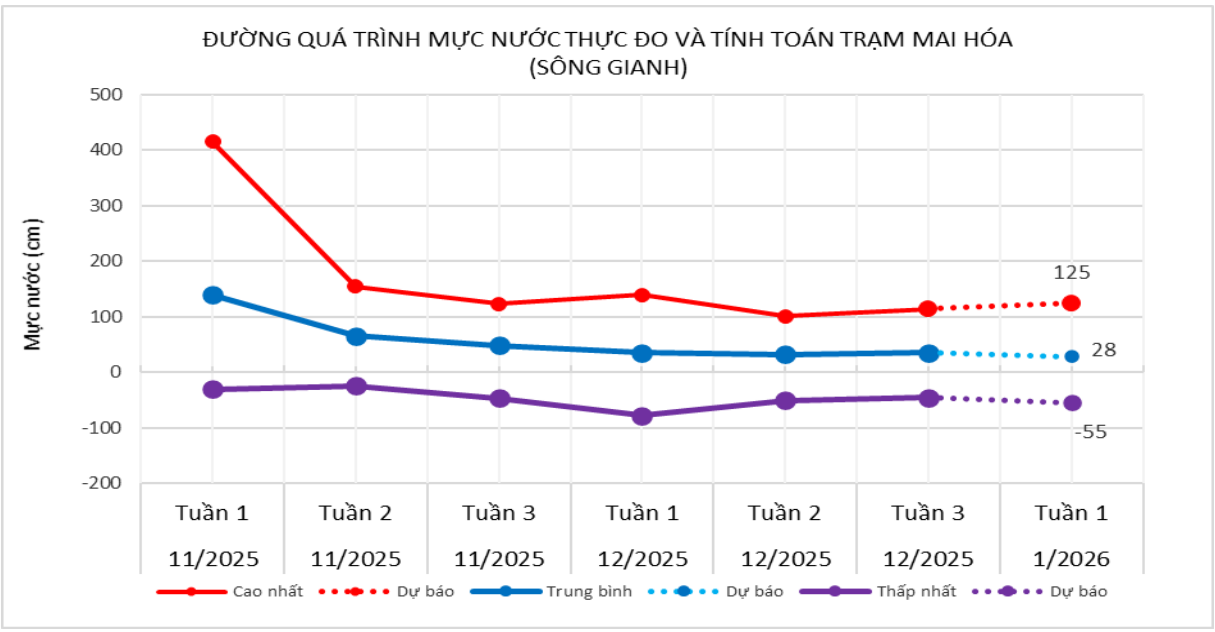
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM MAI HÓA (SÔNG GIANH)
Mực nước (cm)
500
400
300
200
100
0
-100
-200
125
28
-55
Tuần 1 11/2025
Tuần 2 11/2025
Tuần 3 11/2025
Tuần 1 12/2025
Tuần 2 12/2025
Tuần 3 12/2025
Tuần 1 1/2026
Cao nhất
Dự báo
Trung bình
Dự báo
Thấp nhất
Dự báo

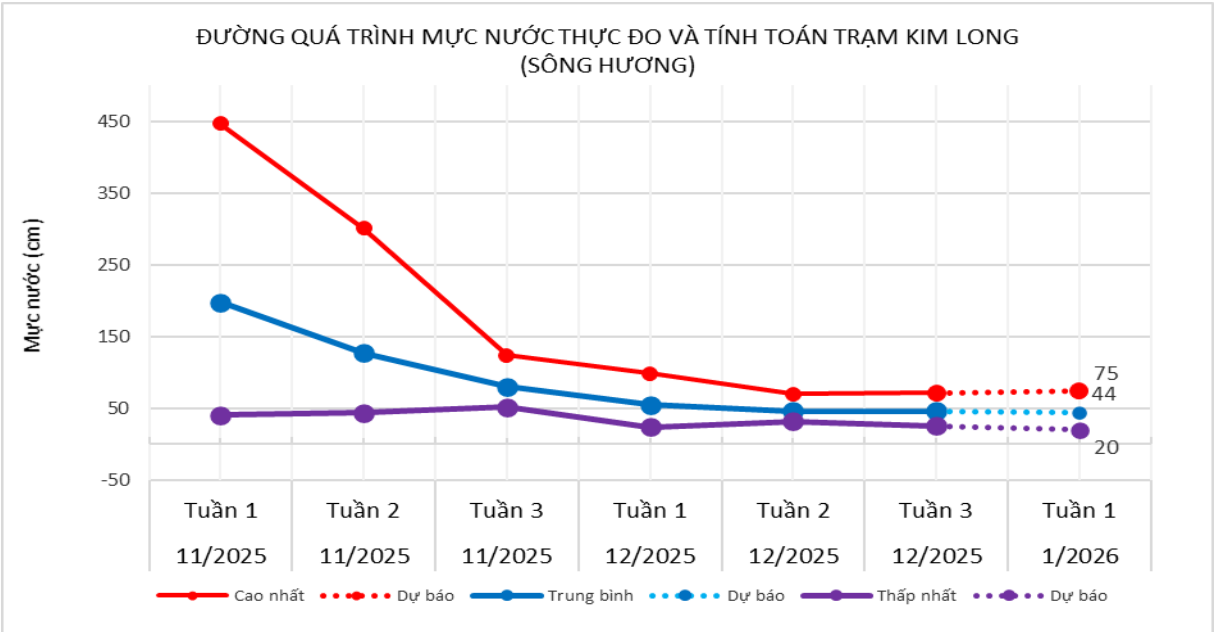
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM KIM LONG (SÔNG HƯƠNG)
Mực nước (cm)
450
350
250
150
50
-50
75
44
20
Tuần 1 11/2025
Tuần 2 11/2025
Tuần 3 11/2025
Tuần 1 12/2025
Tuần 2 12/2025
Tuần 3 12/2025
Tuần 1 1/2026
Cao nhất
Dự báo
Trung bình
Dự báo
Thấp nhất
Dự báo

4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

- Các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Từ ngày 22-24/12, mực nước trên các sông từ Tp. Đà Nẵng và Quảng Ngãi có dao động, thời gian còn lại biến đổi chậm.

- Các sông từ Gia Lai đến Khánh Hòa: Trong tuần, mực nước trên các sông có dao động trong những ngày đầu sau biến đổi theo xu thế xuống, hạ lưu trên sông Kôn tại trạm Thạnh Hòa dao động theo điều tiết của đập thủy lợi, hạ lưu sông Ba dao động theo điều tiết của hồ chứa và thủy triều.

b. Dự báo, cảnh báo

- Các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Những ngày đầu, mực nước trên thượng lưu các sông khả năng có dao động, hạ lưu biến đổi chậm.

- Các sông từ Gia Lai đến Khánh Hòa: Mực nước trên các sông phía thượng lưu khả năng có dao động. Mực nước hạ lưu trên sông Kôn tại trạm Thạnh Hòa dao động theo điều tiết của đập thủy lợi, hạ lưu sông Ba dao động theo điều tiết của hồ chứa và thủy triều.

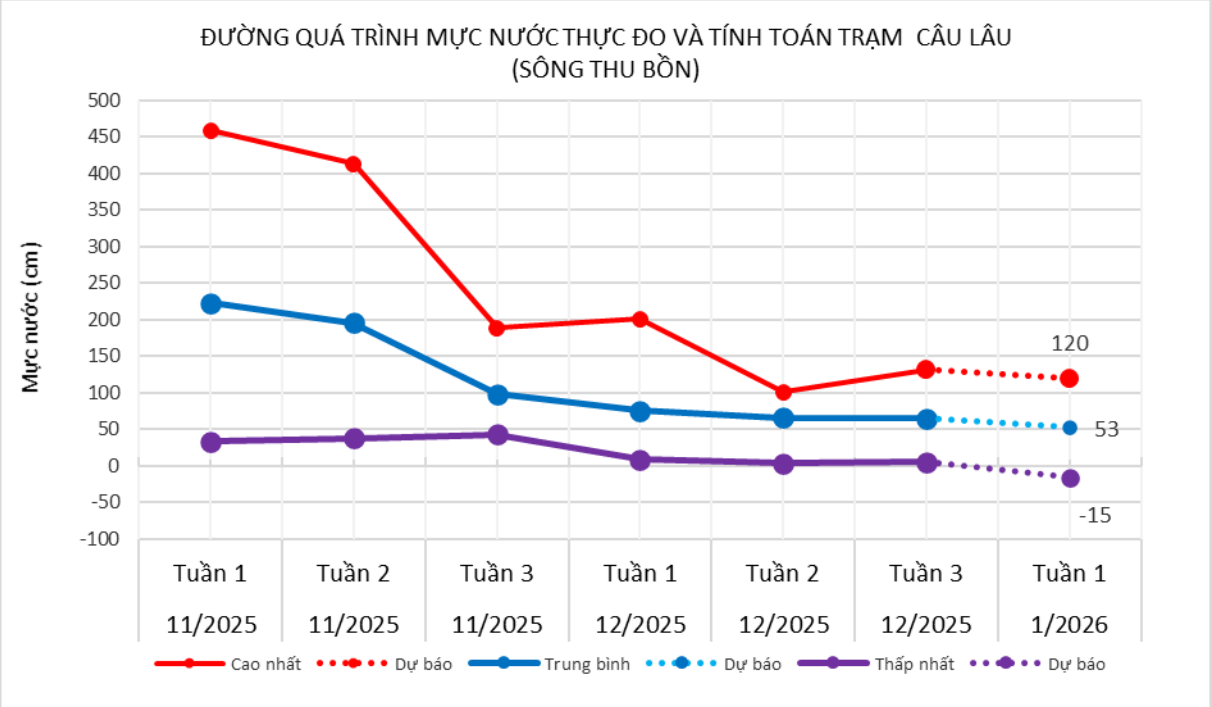

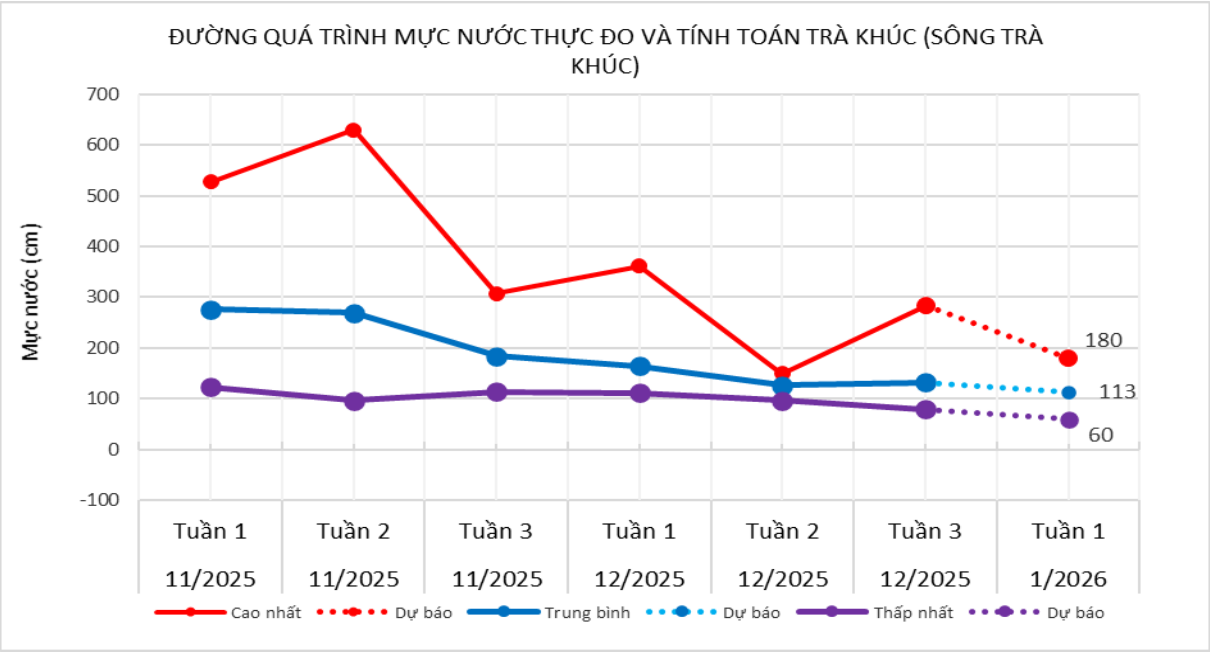
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRÀ KHÚC (SÔNG TRÀ KHÚC)
Mực nước (cm)
700
600
500
400
300
200
100
0
-100
180
113
60
Tuần 1 11/2025
Tuần 2 11/2025
Tuần 3 11/2025
Tuần 1 12/2025
Tuần 2 12/2025
Tuần 3 12/2025
Tuần 1 1/2026
Cao nhất
Dự báo
Trung bình
Dự báo
Thấp nhất
Dự báo

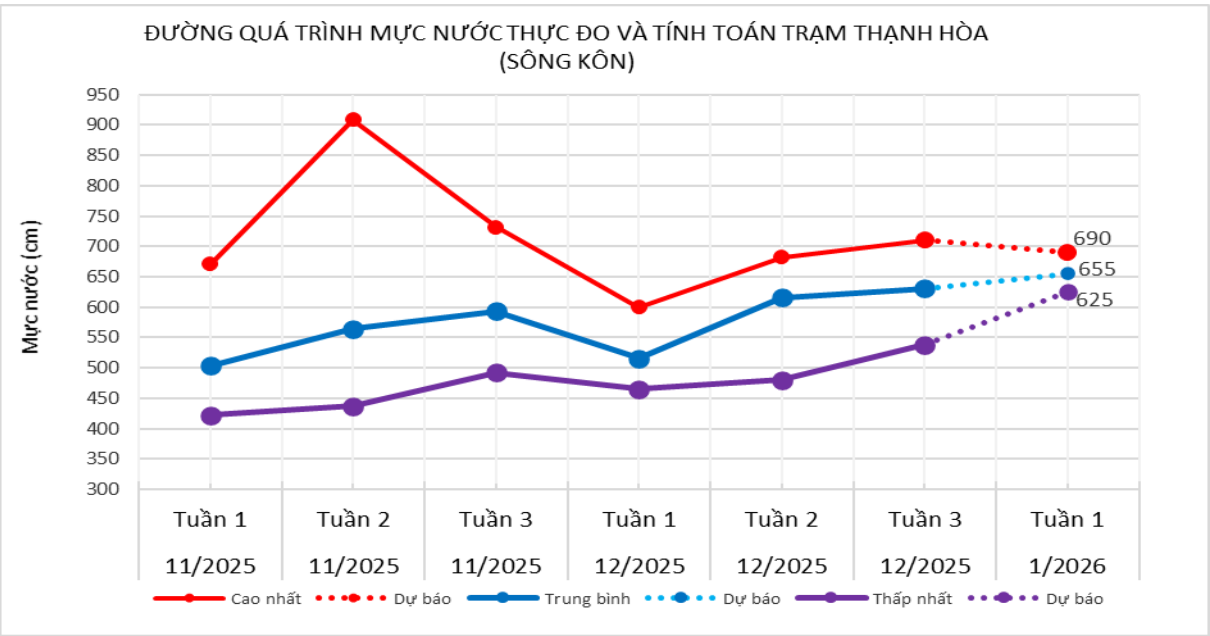
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM THẠNH HÒA (SÔNG KÔN)
Mực nước (cm)
950
900
850
800
750
700
650
600
550
500
450
400
350
300
690
655
625
Tuần 1 11/2025
Tuần 2 11/2025
Tuần 3 11/2025
Tuần 1 12/2025
Tuần 2 12/2025
Tuần 3 12/2025
Tuần 1 1/2026
Cao nhất
Dự báo
Trung bình
Dự báo
Thấp nhất
Dự báo

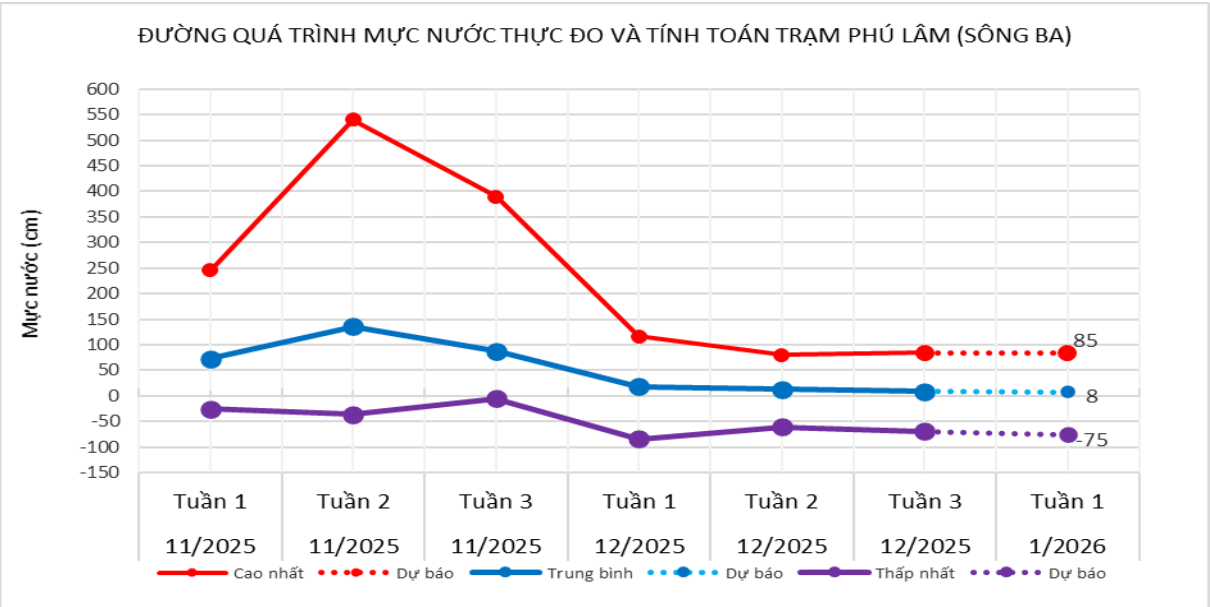
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM PHÚ LÂM (SÔNG BA)
Mực nước (cm)
600
550
500
450
400
350
300
250
200
150
100
50
0
-50
-100
-150
85
8
-75
Tuần 1 11/2025
Tuần 2 11/2025
Tuần 3 11/2025
Tuần 1 12/2025
Tuần 2 12/2025
Tuần 3 12/2025
Tuần 1 1/2026
Cao nhất
Dự báo
Trung bình
Dự báo
Thấp nhất
Dự báo

5. Các lưu vực sông thuộc khu vực Đông Nam Bộ

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Trong 10 ngày qua, mực nước trên sông Đồng Nai biến đổi chậm. Mực nước trên sông Bé dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên

b. Dự báo, cảnh báo

Mực nước trên sông Đồng Nai tiếp tục biến đổi chậm, Sông Bé dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên

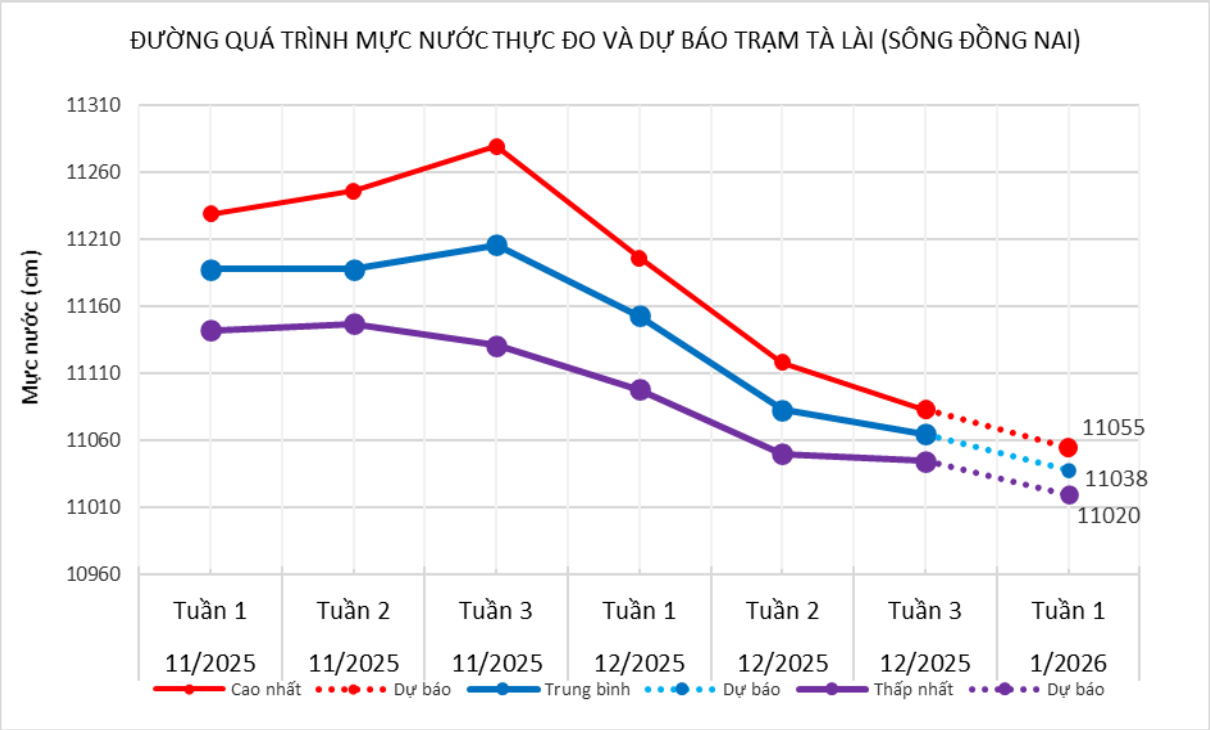

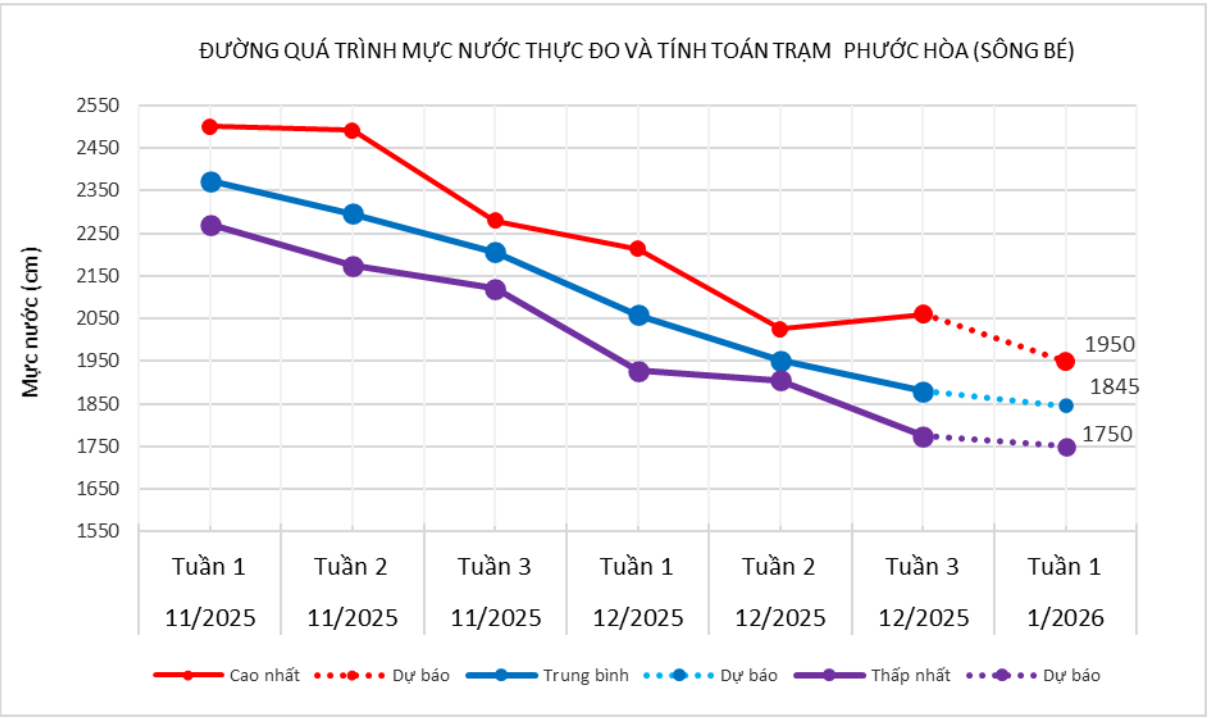

6. Lưu vực sông Mê Công

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

- Hệ thống sông Sê San - Srêpôk: Mực nước trên sông Krông Ana biến đổi theo xu thế xuống dần, mực nước các sông khác dao động theo vận hành của hồ chứa thủy điện.

- Mực nước đầu nguồn sông Cửu Long dao động theo thủy triều. Mực nước cao nhất trên sông Tiền tại Tân Châu 1,92m (ngày 22/12), trên sông Hậu tại Châu Đốc 1,98m (ngày 21/12).

b. Dự báo, cảnh báo

- Hệ thống sông Sê San - Srêpôk: Mực nước trên các sông phổ biến dao động theo vận hành hồ chứa thủy điện, trên sông Krông Ana mực nước biến đổi chậm theo xu thế xuống.

- Mực nước đầu nguồn sông Cửu Long dao động theo triều. Trong 10 ngày tới, mực nước cao nhất tại Tân Châu ở mức 1,70m, tại Châu Đốc ở mức 1,80m. Trong 05 ngày tiếp theo, mực nước đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi theo triều.

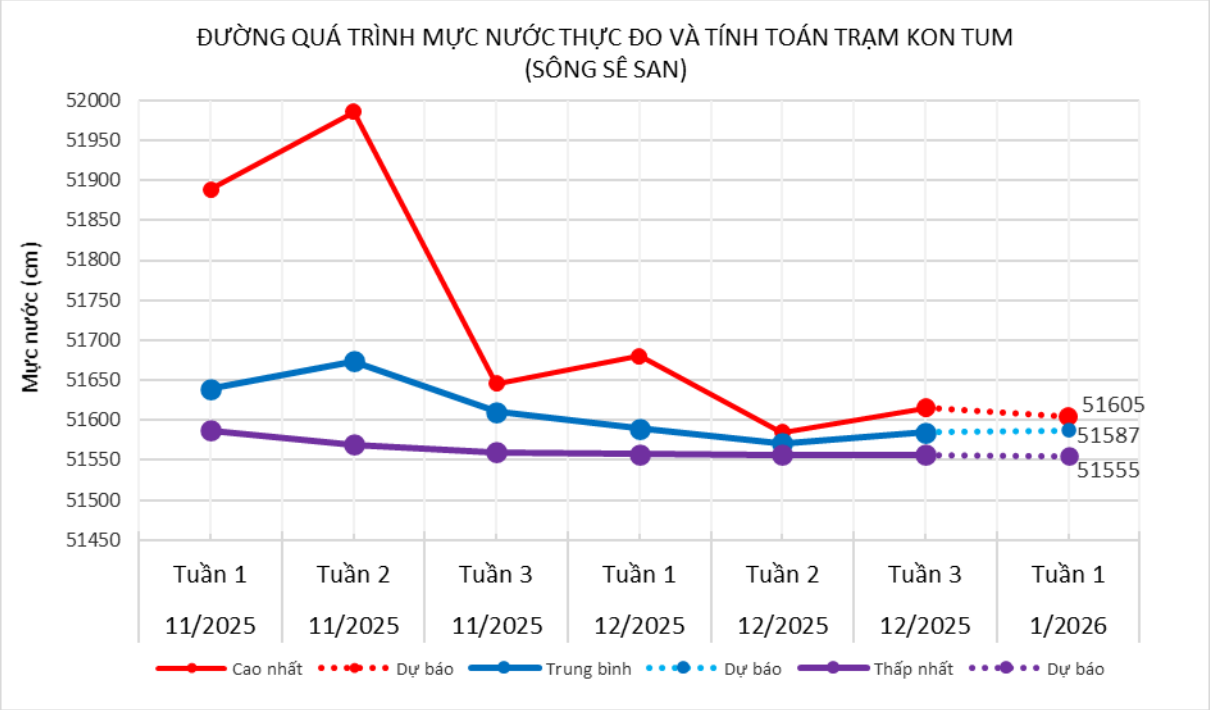

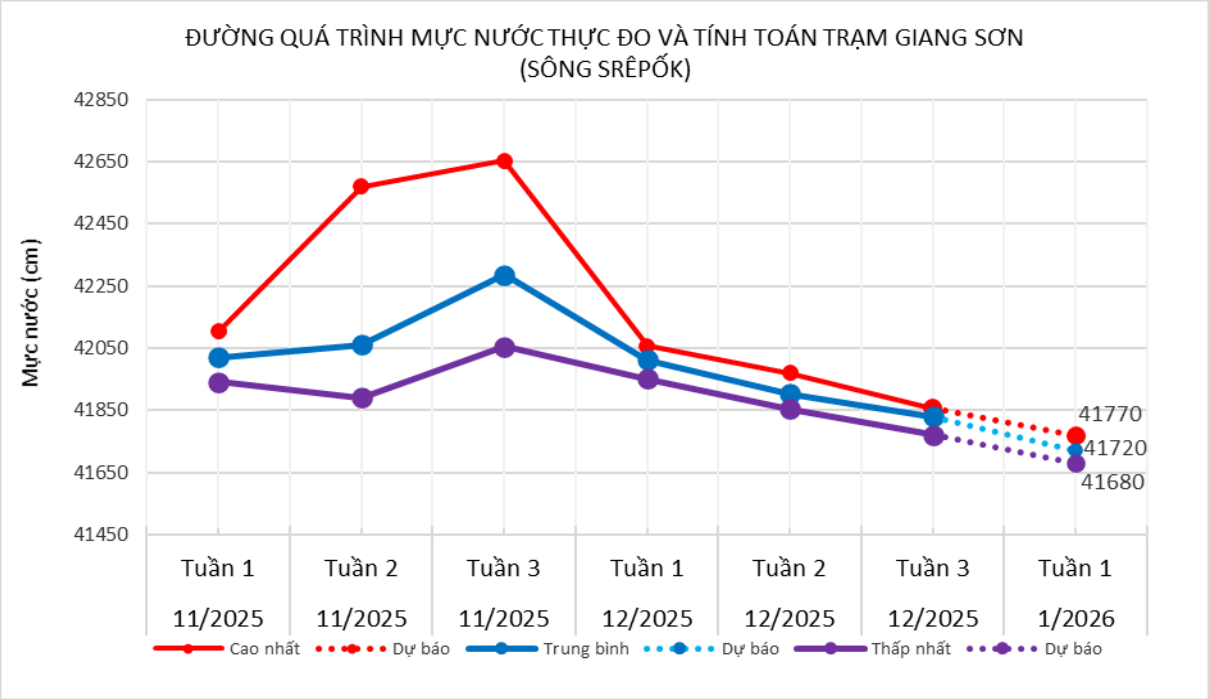
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM GIANG SƠN
(SÔNG SRÊPỐK)
Mực nước (cm)
42850
42650
42450
42250
42050
41850
41650
41450
41770
41720
41680
Tuần 1 11/2025
Tuần 2 11/2025
Tuần 3 11/2025
Tuần 1 12/2025
Tuần 2 12/2025
Tuần 3 12/2025
Tuần 1 1/2026
Cao nhất
Dự báo
Trung bình
Dự báo
Thấp nhất
Dự báo

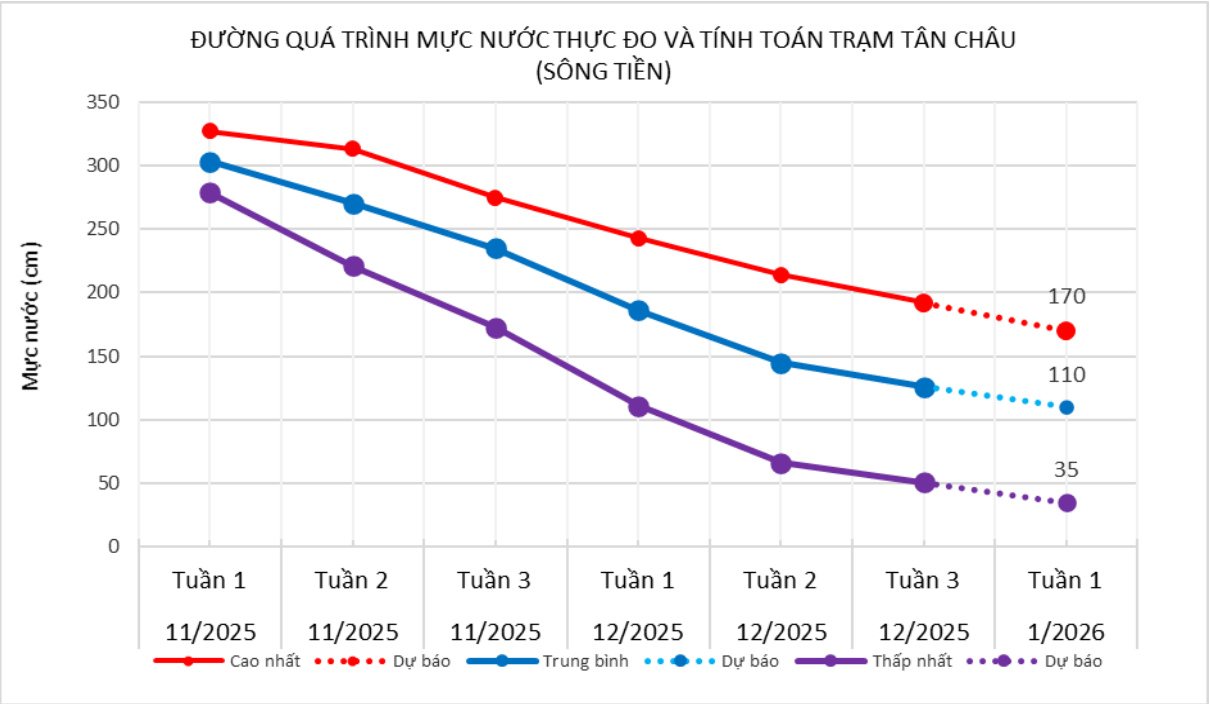
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM TÂN CHÂU
(SÔNG TIỀN)
Mực nước (cm)
350
300
250
200
150
100
50
0
170
110
35
Tuần 1 11/2025
Tuần 2 11/2025
Tuần 3 11/2025
Tuần 1 12/2025
Tuần 2 12/2025
Tuần 3 12/2025
Tuần 1 1/2026
Cao nhất
Dự báo
Trung bình
Dự báo
Thấp nhất
Dự báo

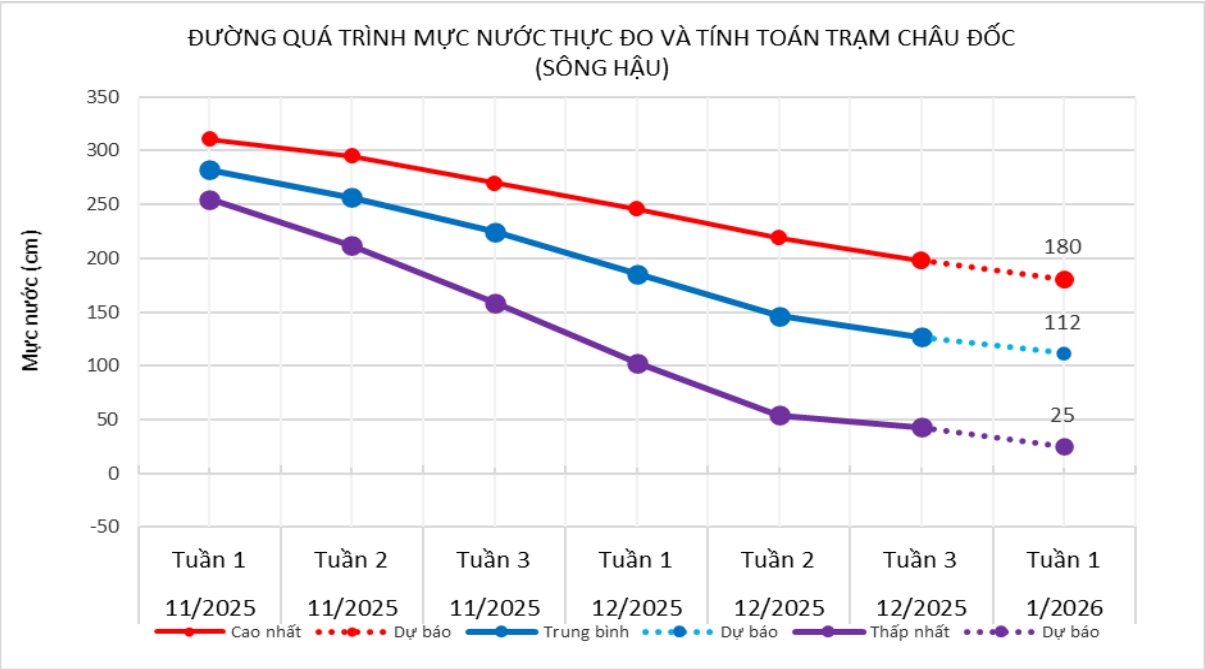

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 11/01/2026

Tin phát lúc: 15h00

Người chịu trách nhiệm ban hành bản tin

Phùng Tiến Dũng

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước, lưu lượng thực đo và dự báo các trạm

Sông	Trạm	Thực đo			Dự báo								
					5 ngày đầu			5 ngày sau			10 ngày		
		Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất
Sông Đà	Hòa Bình (Q)	772	2568	40	650	2200	40	700	2150	40	675	2200	40
Thao	Yên Bái	2361	2411	2325	2300	2360	2280	2320	2380	2300	2310	2380	2280
Thao	Phú Thọ	1131	1164	1082	1050	1100	1035	1070	1120	1040	1060	1120	1035
Lô	Tuyên Quang	1273	1373	1169	1275	1380	1165	1285	1360	1165	1280	1380	1165
Lô	Vụ Quang	446	475	433	450	465	420	440	465	420	445	465	420
Cầu	Đáp Cầu	72	138	11	70	150	5	70	145	10	70	150	5
Thương	Phủ Lạng Thương	60	140	-6	55	155	-10	55	145	-15	55	155	-15
Lục Nam	Lục Nam	49	148	-18	45	155	-25	55	150	-25	50	155	-25
Hồng	Hà Nội	108	191	44	110	200	35	100	195	40	105	200	35
Thái Bình	Phả Lại	64	158	-10	60	160	-20	60	150	-20	60	160	-20
Mã	Giàng	55	200	-79	45	215	-70	55	210	-100	50	215	-100
Cả	Nam Đàn	49	162	-42	40	165	-30	60	160	-40	50	165	-40
La	Linh cảm	36	157	-82	25	170	-70	35	160	-90	30	170	-90
Gianh	Mai Hóa	34	114	-46	30	125	-55	25	110	-45	28	125	-55

Sông	Trạm	Thực đo			Dự báo								
					5 ngày đầu			5 ngày sau			10 ngày		
		Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất
Hương	Kim Long	46	72	26	46	75	23	42	60	20	44	75	20
Thu Bồn	Câu Lâu	65	132	6	60	120	-10	45	95	-15	53	120	-15
Trà Khúc	Trà Khúc	132	283	79	125	180	75	100	150	60	113	180	60
Kôn	Thạnh Hòa	630	710	538	650	685	630	660	690	625	655	690	625
Đà Rằng	Phú Lâm	9.5	85	-69	9	70	-65	7	85	-75	8	85	-75
Đăkbla	Kon Tum	51585	51615	51557	51588	51605	51560	51585	51600	51555	51587	51605	51555
Krông Ana	Giang Sơn	41829	41856	41772	41740	41770	41710	41700	41725	41680	41720	41770	41680
Đồng Nai	Tà Lài	11065	11083	11045	11040	11055	11025	11035	11050	11020	11038	11055	11020
Bé	Phước Hòa	1889	2060	1774	1850	1950	1770	1840	1920	1750	1845	1950	1750
Tiền	Tân Châu	128	192	51	115	170	50	105	165	35	110	170	35
Hậu	Châu Đốc	127	198	43	117	180	40	107	175	25	112	180	25